

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP

(Ban hành theo Quyết định số 323/QĐ-CĐCD ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng cộng đồng Đồng Tháp)

- 1. Ngành đào tạo:** Chăn nuôi - Thú y
- 2. Mã ngành đào tạo:** 42620106
- 3. Thời gian đào tạo:** 2 năm
- 4. Đối tượng tuyển sinh:** Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
- 5. Khối lượng kiến thức toàn khóa tính bằng đơn vị học trình (ĐVHT):** 103 (ĐVHT)
- 6. Giới thiệu chương trình:**

**- Văn bằng sẽ được cấp khi tốt nghiệp:**

Sau khi tốt nghiệp học sinh được cấp bằng tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**- Những nhiệm vụ chính mà người tốt nghiệp có thể thực hiện được:**

Có thể đảm nhận được nhiệm vụ tại trạm thú y, trang trại chăn nuôi, mạng lưới thú y xã, phường và hỗ trợ các kỹ sư trong lĩnh vực chuyên môn hoặc tự kinh doanh mua bán thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y hay phòng mạch thú y.

**- Khái quát nội dung học tập (về lý thuyết, thực hành):**

Lý thuyết: 856 tiết

Thực hành: 1334 tiết

**- Những lợi ích mà chương trình mang lại cho người học về cơ hội việc làm, thu nhập, vị trí việc làm và cơ hội học tập nâng cao sau khi tốt nghiệp:**

Sau khi tốt nghiệp người học có thể trở thành kỹ thuật viên trung cấp chuyên nghiệp về Chăn nuôi và Thú y, có thể đảm nhận được nhiệm vụ tại trạm thú y, trang trại chăn nuôi, mạng lưới thú y xã, phường và hỗ trợ các kỹ sư trong lĩnh vực chuyên môn hoặc tự kinh doanh mua bán thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y hay phòng mạch thú y..., có thể liên thông lên bậc Cao đẳng và Đại học.

## 7. Mục tiêu đào tạo

### a) Về kiến thức (mức độ đạt được về hiểu biết, tư duy...)

- Được trang bị các kiến thức về giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành chăn nuôi thú y và có sức khỏe tốt đáp ứng được yêu cầu công việc tại các cơ sở chăn nuôi thú y;

- Có kiến thức trong việc tổ chức và thực hiện công việc chăn nuôi thú y đối với các loại vật nuôi;

- Có kiến thức về chuyên ngành chăn nuôi thú y, phân biệt được đặc điểm của từng đối tượng vật nuôi, chẩn đoán và phòng trị bệnh;

- Có kiến thức về hệ thống quản lý chăn nuôi chất lượng, an toàn sinh học, bảo vệ môi trường;

**b) Về kỹ năng (có khả năng làm được những việc gì; trong môi trường và điều kiện nào; kỹ năng mềm...):**

- Sử dụng thành thạo được các phương tiện phục vụ trong chăn nuôi và thú y;

- Chọn và lai tạo giống, tổ hợp thức ăn, kỹ thuật chăn nuôi hiệu quả và an toàn;

- Chẩn đoán được các bệnh thường gặp ở vật nuôi thông qua triệu chứng lâm sàng; và đưa ra biện pháp phòng trị thích hợp;

- Sử dụng được các loại thuốc, vaccin thông dụng trên thị trường để phòng và trị bệnh cho vật nuôi;

- Có khả năng tự tổ chức, quản lý, chăn nuôi theo quy mô gia đình, trang trại.

**c) Thái độ nghề nghiệp (đạo đức nghề nghiệp, lối sống, tôn trọng pháp luật và trách nhiệm với công việc sau khi tốt nghiệp....).**

- Học sinh tốt nghiệp hệ Trung cấp ngành Chăn nuôi và Thú y có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu thực tế của các cơ sở chăn nuôi, chế biến thức ăn và thuốc thú y, phòng mạch thú y và cán bộ thú y tại địa phương;

- Có động cơ nghề nghiệp đúng đắn, có đức tính cần cù chịu khó và sáng tạo trong nghề nghiệp. Có tác phong nhanh nhẹn, khiêm tốn, trung thực trong hoạt động nghề nghiệp. Có ý thức vươn lên trong học tập, không ngừng đưa tiến bộ kỹ thuật mới vào lĩnh vực sản xuất của ngành nhằm tạo ra các sản phẩm có chất lượng, giá trị kinh tế cao cho xã hội.

## **8. Khung chương trình đào tạo**

### *8.1. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo*

TT	Nội dung	Thời gian	
		Số tiết (giờ)	ĐVHT
1	Các học phần chung	360	20
2	Các học phần cơ sở	495	27
3	Các học phần chuyên môn	675	34
4	Thực tập nghề nghiệp	360 (576 giờ)	12
5	Thực tập tốt nghiệp	300 (480 giờ)	10
<b>Cộng (ĐVHT)</b>		<b>2190</b>	<b>103</b>

## 8.2 Các học phần của chương trình và kế hoạch giảng dạy

STT	Tên học phần	Số tiết (giờ)	Số ĐVHT	Số tiết		Học kì
				Lý thuyết	Thực hành, thực tập	
<b>I.</b>	<b>Các học phần chung</b>	<b>360</b>	<b>20</b>	<b>196</b>	<b>164</b>	
1	Giáo dục quốc phòng – An ninh	75	5	51	24	I
2	Giáo dục chính trị	75	5	55	20	I
3	Giáo dục thể chất	60	2	0	60	I
4	Tin học ứng dụng	90	4	30	60	I
5	Giáo dục pháp luật	30	2	30	0	I
6	Khởi tạo doanh nghiệp	30	2	30	0	III
7	Tiếng Anh	Chứng chỉ A (Tích lũy ngoài, không tính điểm trung bình)				
<b>II.</b>	<b>Các học phần cơ sở</b>	<b>495</b>	<b>27</b>	<b>315</b>	<b>180</b>	
1	Sinh lý động vật	75	4	45	30	I
2	Cơ thể học động vật	60	3	30	30	I
3	Dược lý thú y	60	3	30	30	II
4	Cơ khí chăn nuôi	45	2	15	30	II
5	Dinh dưỡng và thức ăn	75	4	45	30	II
6	Miễn dịch học	30	2	30	0	II
7	Giống và kỹ thuật truyền giống	60	3	30	30	II
8	Phương pháp thí nghiệm	30	2	30	0	IV
9	Luật thú y	30	2	30	0	IV
10	Bảo vệ môi trường	30	2	30	0	IV
<b>III.</b>	<b>Các học phần chuyên môn</b>	<b>675</b>	<b>34</b>	<b>345</b>	<b>330</b>	
1	Vi sinh Đại Cương - CNTY	60	3	30	30	I
2	Chăn nuôi heo	60	3	30	30	II
3	Chăn nuôi gia cầm	60	3	30	30	II
4	Chăn nuôi gia súc nhai lại	60	3	30	30	II
5	Nội chẩn	75	4	45	30	II
6	Ngoại khoa gia súc	45	2	15	30	II
7	Sản khoa	45	2	15	30	II
8	Ký sinh trùng	60	3	30	30	III
9	Bệnh truyền nhiễm	60	3	30	30	III
10	Bệnh chó, mèo	45	2	15	30	III
11	Kiểm nghiệm sản phẩm động vật	45	2	15	30	IV

12	Vệ sinh gia súc	30	2	30	0	IV
13	Chăn nuôi động vật hoang dã	30	2	30	0	IV
<b>IV.</b>	<b>Thực tập nghề nghiệp</b>	<b>360 (576 giờ)</b>	<b>12</b>	<b>0</b>	<b>360 (576 giờ)</b>	
1	Chăn nuôi:	180 (288 giờ)	6	0	180 (288 giờ)	III
	- Chọn giống					
	- Phối hợp khẩu phần thức ăn;					
	- Chế biến bảo quản thức ăn;					
	- Quy trình chăn nuôi.					
2	Thú y:	180 (288 giờ)	6	0	180 (288 giờ)	III
	- Chẩn đoán và điều trị;					
	- Thuốc và vắc xin;					
	- Dụng cụ thú y;					
	- Vệ sinh thú y.					
<b>V.</b>	<b>Thực tập tốt nghiệp</b>	<b>300 (480 giờ)</b>	<b>10</b>	<b>0</b>	<b>300 (480 giờ)</b>	
	- Điều tra cơ bản;					IV
	- Phục vụ sản xuất;					
	- Viết báo cáo tổng hợp.					
<b>Tổng số ĐVHT</b>		<b>2190</b>	<b>103</b>	<b>856</b>	<b>1334</b>	
<b>VI.</b>	<b>Thi tốt nghiệp</b>	<b>Hình thức thi</b>			<b>Thời gian làm bài thi</b>	
<b>1</b>	<b>Giáo dục chính trị</b>	Tự luận			150 phút	
<b>2</b>	<b>Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp</b>	Trắc nghiệm			90 phút	
	- Kỹ thuật chăn nuôi (Chăn nuôi heo, nhai lai & gia cầm)					
	- Dinh dưỡng – thức ăn					
	- Thú y cơ bản (BTN, bệnh nội khoa, dược lý)	Vấn đáp, thực hành			20-30 phút /01 học sinh	
<b>3</b>	<b>Thực hành nghề nghiệp</b>					
	- Chăn nuôi;					
	- Thú y (Dược, bệnh, sản khoa)					

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2014

**HIỆU TRƯỞNG**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP**

*(Ban hành theo Quyết định số 323/QĐ-CDCEĐ ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng cộng đồng Đồng Tháp)*

**1. Ngành đào tạo:** Chăn nuôi và Thú y

**2. Mã ngành đào tạo:** 42620106

**3. Thời gian đào tạo:** 3 năm

**4. Đối tượng tuyển sinh:** Tốt nghiệp Trung học cơ sở

**5. Khối lượng kiến thức toàn khóa tính bằng đơn vị học trình (ĐVHT):** 166 (ĐVHT)

**6. Giới thiệu chương trình:**

**- Văn bằng sẽ được cấp khi tốt nghiệp;**

Sau khi tốt nghiệp học sinh được cấp bằng tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**- Những nhiệm vụ chính mà người tốt nghiệp có thể thực hiện được;**

Người học những kiến thức chuyên môn về kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng gia súc gia cầm. Những kỹ năng trong việc chẩn đoán, phòng và trị bệnh vật nuôi. Có khả năng tổ chức, quản lý, buôn bán thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y phục vụ người nuôi.

**- Khái quát nội dung học tập (về lý thuyết, thực hành);**

Lý thuyết: 889 tiết

Thực hành: 1361 tiết

**- Những lợi ích mà chương trình mang lại cho người học về cơ hội việc làm, thu nhập, vị trí việc làm và cơ hội học tập nâng cao sau khi tốt nghiệp.**

Sau khi tốt nghiệp người học có thể trở thành kỹ thuật viên trung cấp chuyên nghiệp về Chăn nuôi và Thú y, có thể đảm nhận được nhiệm vụ tại trạm thú y, trang trại chăn nuôi, mạng lưới thú y xã, phường và hỗ trợ các kỹ sư trong lĩnh vực chuyên môn hoặc tự kinh doanh mua bán thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y hay phòng mạch thú y. Có thể liên thông lên bậc Cao đẳng và Đại học.

**7. Mục tiêu đào tạo**

**a) Về kiến thức (mức độ đạt được về hiểu biết, tư duy...)**

- Được trang bị các kiến thức về giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành chăn nuôi và thú y và có sức khỏe tốt đáp ứng được yêu cầu công việc tại các cơ sở chăn nuôi thú y;

- Có kiến thức trong việc tổ chức và thực hiện công việc chăn nuôi thú y đối với các loại vật nuôi;

- Có kiến thức về chuyên ngành chăn nuôi thú y, phân biệt được đặc điểm của từng đối tượng vật nuôi, chẩn đoán và phòng trị bệnh;

- Có kiến thức về hệ thống quản lý chăn nuôi chất lượng, an toàn sinh học, bảo vệ môi trường;

**b) Về kỹ năng (có khả năng làm được những việc gì; trong môi trường và điều kiện nào; kỹ năng mềm...):**

- Sử dụng thành thạo được các phương tiện phục vụ trong chăn nuôi và thú y;  
- Chọn và lai tạo giống, tổ hợp thức ăn, kỹ thuật chăn nuôi hiệu quả và an toàn;  
- Chẩn đoán được các bệnh thường gặp ở vật nuôi thông qua triệu chứng lâm sàng; và đưa ra biện pháp phòng trị thích hợp;

- Sử dụng được các loại thuốc, vaccin thông dụng trên thị trường để phòng và trị bệnh cho vật nuôi;

- Có khả năng tự tổ chức, quản lý, chăn nuôi theo quy mô gia đình, trang trại.

**c) Thái độ nghề nghiệp (đạo đức nghề nghiệp, lối sống, tôn trọng pháp luật và trách nhiệm với công việc sau khi tốt nghiệp....).**

- Học sinh tốt nghiệp hệ Trung cấp ngành Chăn nuôi và Thú y có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu thực tế của các cơ sở chăn nuôi, chế biến thức ăn và thuốc thú y, phòng mạch thú y và cán bộ thú y tại địa phương.

- Có động cơ nghề nghiệp đúng đắn, có đức tính cần cù, chịu khó và sáng tạo trong nghề nghiệp. Có tác phong nhanh nhẹn, khiêm tốn, trung thực trong hoạt động nghề nghiệp. Có ý thức vươn lên trong học tập, không ngừng đưa tiến bộ kỹ thuật mới vào lĩnh vực sản xuất của ngành nhằm tạo ra các sản phẩm có chất lượng, giá trị kinh tế cao cho xã hội.

**8. Khung chương trình đào tạo**

*8.1. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo*

TT	Nội dung	Thời gian	
		Số tiết (giờ)	ĐVHT
1	Văn hóa phổ thông	1020	59
2	Các học phần chung	420	24
3	Các học phần cơ sở	495	27
4	Các học phần chuyên môn	675	34
5	Thực tập nghề nghiệp	360 (576 giờ)	12
6	Thực tập tốt nghiệp	300 (480 giờ)	10
<b>Cộng (ĐVHT)</b>		<b>3270</b>	<b>166</b>

8.2. Các học phần của chương trình và kế hoạch giảng dạy

STT	Tên học phần	Số tiết (giờ)	Số ĐVHT	Số tiết		Học kì
				Lý thuyết	Thực hành, thực tập	
<b>I.</b>	<b>Văn hóa phổ thông</b>	<b>1020</b>	<b>59</b>	<b>979</b>	<b>41</b>	
1	Toán	360		360	0	
2	Lý	90		84	6	
3	Hóa	195		175	20	
4	Sinh	135		120	15	
5	Ngữ văn	240		240	0	
<b>II.</b>	<b>Các Học phần chung</b>	<b>420</b>	<b>24</b>	<b>229</b>	<b>191</b>	
1	Giáo dục quốc phòng – An ninh	120	8	74	46	I
2	Giáo dục chính trị	90	6	65	25	I
3	Giáo dục thể chất	60	2	0	60	I
4	Tin học ứng dụng	90	4	30	60	I
5	Giáo dục pháp luật	30	2	30	0	I
6	Khởi tạo doanh nghiệp	30	2	30	0	III
7	Tiếng Anh	Chứng chỉ A (Tích lũy ngoài, không tính điểm trung bình)				
<b>III.</b>	<b>Các học phần cơ sở</b>	<b>495</b>	<b>27</b>	<b>315</b>	<b>180</b>	
1	Sinh lý động vật	75	4	45	30	I
2	Cơ thể học động vật	60	3	30	30	I
3	Dược lý thú y	60	3	30	30	II
4	Cơ khí chăn nuôi	45	2	15	30	II
5	Dinh dưỡng và thức ăn	75	4	45	30	II
6	Miễn dịch học	30	2	30	0	II
7	Giống và kỹ thuật truyền giống	60	3	30	30	II
8	Phương pháp thí nghiệm	30	2	30	0	IV
9	Luật thú y	30	2	30	0	IV
10	Bảo vệ môi trường	30	2	30	0	IV
<b>IV.</b>	<b>Các học phần chuyên môn</b>	<b>675</b>	<b>34</b>	<b>345</b>	<b>330</b>	
1	Vi sinh Đại Cương - CNTY	60	3	30	30	I
2	Chăn nuôi heo	60	3	30	30	II
3	Chăn nuôi gia cầm	60	3	30	30	II
4	Chăn nuôi gia súc nhai lại	60	3	30	30	II
5	Nội chẩn	75	4	45	30	II
6	Ngoại khoa gia súc	45	2	15	30	II
8	Sản khoa	45	2	15	30	II
9	Ký sinh trùng	60	3	30	30	III
10	Bệnh truyền nhiễm	60	3	30	30	III
11	Bệnh chó, mèo	45	2	15	30	III

12	Kiểm nghiệm sản phẩm động vật	45	2	15	30	IV
13	Vệ sinh gia súc	30	2	30	0	IV
14	Chăn nuôi động vật hoang dã	30	2	30	0	IV
<b>V.</b>	<b>Thực tập nghề nghiệp</b>	<b>360 (576 giờ)</b>	<b>12</b>	<b>0</b>	<b>360 (576 giờ)</b>	
1	Chăn nuôi:	180 (288 giờ)	6	0	180 (288 giờ)	III
	- Chọn giống					
	- Phối hợp khẩu phần thức ăn;					
	- Chế biến bảo quản thức ăn;					
	- Quy trình chăn nuôi.					
2	Thú y:	180 (288 giờ)	6	0	180 (288 giờ)	III
	- Chẩn đoán và điều trị;					
	- Thuốc và vắc xin;					
	- Dụng cụ thú y;					
	- Vệ sinh thú y.					
<b>VI.</b>	<b>Thực tập tốt nghiệp</b>	<b>300 (480 giờ)</b>	<b>10</b>	<b>0</b>	<b>300 (480 giờ)</b>	
	- Điều tra cơ bản;					IV
	- Phục vụ sản xuất;					
	- Viết báo cáo tổng hợp.					
<b>Tổng cộng</b>		<b>3270</b>	<b>166</b>	<b>1868</b>	<b>1402</b>	
<b>VII.</b>	<b>Thi tốt nghiệp</b>	<b>Hình thức thi</b>		<b>Thời gian làm bài thi</b>		
<b>a).</b>	<b><u>Văn hóa</u></b>					
1	Toán	Tự luận		120 phút		
2	Hóa	Trắc nghiệm		60 phút		
3	Sinh	Trắc nghiệm		60 phút		
<b>b).</b>	<b><u>Chuyên ngành</u></b>					
<b>1</b>	<b>Giáo dục chính trị</b>	Tự luận		150 phút		
<b>2</b>	<b>Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp</b>	Trắc nghiệm		90 phút		
	- Kỹ thuật chăn nuôi (Chăn nuôi heo, nhai lai & gia cầm)					
	- Dinh dưỡng – thức ăn					
	- Thú y cơ bản (BTN, bệnh nội khoa, dược lý)					
<b>3</b>	<b>Thực hành nghề nghiệp</b>	Vấn đáp, thực hành		20-30 phút /01 học sinh		
	- Chăn nuôi;					
	- Thú y (Dược, bệnh, sản khoa)					

*Đồng Tháp, ngày tháng năm 2014*

**HIỆU TRƯỞNG**